

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--o0o--

THỎA THUẬN VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN
VÀ ĐIỀU KIỆN TÍN DỤNG CHUNG
Số:.....

Thỏa thuận này lập ngàytháng năm, tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

Các bên đồng ý và tham gia ký kết Thỏa thuận này gồm có:

BÊN CẤP TÍN DỤNG: NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (sau đây gọi là ACB)

Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM

Địa chỉ liên hệ :<<địa chỉ chi nhánh, phòng giao dịch quản lý khoản cấp tín dụng>>...

Điện thoại :

Đại diện :

Chức vụ :

GUQ số: ngày.....

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG:

ĐKKD/GPĐT/CMND số:..... do cấp

Địa chỉ thường trú/ĐKKD:.....

Nơi cư trú hiện tại/liên hệ:.....

Điện thoại cố định:.....

Điện thoại di động:

Fax :

Email :

Đại diện :

Chức vụ :

GUQ số: ngày..... (nếu có).

Các bên đồng ý ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung với chi tiết như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA THỎA THUẬN

1.1. Các thuật ngữ trong Thỏa thuận này được hiểu như sau:

- 1.1.1. Cấp tín dụng: là việc ACB đồng ý cho Bên được cấp tín dụng sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền (khoản cấp tín dụng), trên nguyên tắc có hoàn trả dưới hình thức cho vay, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thư tín dụng (L/C), bao thanh toán, chiết khấu, thẻ tín dụng, và các

hình thức cấp tín dụng khác theo quy định pháp luật được thỏa thuận cụ thể giữa Bên được cấp tín dụng và ACB theo từng Hợp đồng cấp tín dụng.

- 1.1.2. Hợp đồng cấp tín dụng: là các hợp đồng được ký kết giữa ACB và Bên được cấp tín dụng nhằm mục đích thỏa thuận chi tiết việc cấp tín dụng đối với một hoặc nhiều khoản cấp tín dụng, bao gồm hợp đồng tổng mức cấp tín dụng, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng để cho vay, Thông báo cấp tín dụng, khế ước nhận nợ hoặc thỏa thuận rút vốn, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng bao thanh toán, hợp đồng chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác, hợp đồng cung cấp dịch vụ sử dụng thẻ, mọi hợp đồng, thỏa thuận khác nhằm mục đích nêu trên và tất cả các văn kiện phát sinh hoặc liên quan đến các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận này.
- 1.1.3. Hợp đồng bảo đảm: bao gồm các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng hoặc văn bản cam kết bảo lãnh, các văn kiện, thỏa thuận liên quan đến ký quỹ, đặt cọc hoặc văn bản, thỏa thuận khác mà theo đó nhằm bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán của Bên được cấp tín dụng với ACB.
- 1.1.4. Hạn mức tín dụng: là dư nợ tín dụng tối đa được ACB chấp thuận cho Bên được cấp tín dụng tại một thời điểm, theo từng hình thức cấp tín dụng hoặc tất cả các hình thức cấp tín dụng, tùy theo quyết định của ACB; gồm các loại: hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh, hạn mức chiết khấu, hạn mức bao thanh toán, hạn mức sử dụng thẻ, hạn mức thấu chi, hạn mức tín dụng dự phòng và các loại hình hạn mức tín dụng khác do ACB cung cấp theo thỏa thuận với Bên được cấp tín dụng.
- 1.1.5. Thời hạn hạn mức tín dụng: là khoảng thời gian được xác định từ ngày có hiệu lực đến ngày hết hiệu lực của hạn mức tín dụng mà trong khoảng thời gian đó, Bên được cấp tín dụng được phép (theo sự chấp thuận của ACB) nhận (rút) tiền vay, phát hành bảo lãnh ngân hàng, chiết khấu giấy tờ có giá hoặc công cụ chuyển nhượng, nhận tiền bao thanh toán. Sau khi kết thúc thời hạn hạn mức tín dụng, Bên được cấp tín dụng không được phép nhận tiền vay, phát hành bảo lãnh ngân hàng, chiết khấu giấy tờ có giá hoặc công cụ chuyển nhượng, nhận tiền bao thanh toán, trừ trường hợp được ACB chấp thuận khác.
- 1.1.6. Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian được tính từ (i) ngày tiếp theo của ngày giải ngân (rút vốn) từng khoản vay đến ngày trả nợ (gốc và lãi) theo thỏa thuận trong trường hợp cho vay theo hạn mức tín dụng, hoặc (ii) ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến ngày trả nợ theo thỏa thuận trong trường hợp cho vay không theo hạn mức tín dụng. Nếu từ thời điểm giải ngân khoản vay đến thời điểm trả nợ của khoản vay trên thực tế không đủ 01 (một) ngày thì thời hạn cho vay được tính là 01 (một) ngày. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày nghỉ lễ, ngày Tết, ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày ACB không làm việc thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.
- 1.1.7. Thời hạn chiết khấu: là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày ACB thực hiện chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng đến ngày Bên được cấp tín dụng phải thực hiện nghĩa vụ cam kết mua lại hoặc đến ngày thanh toán toàn bộ số tiền được ghi trên giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng đó, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.

- 1.1.8. Thời hạn bao thanh toán: là khoảng thời gian được tính từ ngày ACB thực hiện việc mua có truy đòi một khoản phải thu của Bên được cấp tín dụng chưa đến hạn thanh toán đến ngày khoản phải thu được thanh toán theo thỏa thuận.
- 1.1.9. Thời hạn giải ngân (rút vốn): là khoảng thời gian được tính từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng đến một thời điểm do các bên thỏa thuận mà khi kết thúc thời hạn này, Bên được cấp tín dụng không được phép đề nghị giải ngân khoản vay, đề nghị ACB phát hành bảo lãnh, giải ngân theo hình thức chiết khấu hoặc bao thanh toán, trừ trường hợp được ACB chấp thuận khác.
- 1.1.10. Tỷ lệ cấp tín dụng: là tỷ lệ % được xác định khi cấp tín dụng có tài sản bảo đảm, được tính theo giá trị dư nợ cấp tín dụng có tài sản bảo đảm tại một thời điểm quy đổi thành VND chia cho (:) giá trị tài sản bảo đảm quy đổi thành VND nhân với (x) 100%.
- 1.1.11. Tỷ lệ cảnh báo: là tỷ lệ % mà khi Tỷ lệ cấp tín dụng tại một thời điểm theo sự xác định của ACB, lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ này thì ACB có quyền yêu cầu Bên được cấp tín dụng phải thực hiện việc trả bớt một phần nợ vay và/hoặc bổ sung tài sản bảo đảm được ACB chấp thuận.
- 1.1.12. Tỷ lệ xử lý: là tỷ lệ % mà khi Tỷ lệ cấp tín dụng tại một thời điểm theo sự xác định của ACB, lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ này thì ACB có quyền xử lý một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.
- 1.1.13. Bên cam kết đồng trả nợ: là tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm liên đới với nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng đối với ACB.
- 1.1.14. Bên bảo đảm: bao gồm Bên bảo lãnh và/hoặc Bên cầm cố, Bên thế chấp, Bên ký quỹ, Bên đặt cọc (nếu có), hoặc tổ chức, cá nhân khác được xác định là Bên bảo đảm theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định pháp luật đó.
- 1.1.15. Bên bảo lãnh: là tổ chức, cá nhân cam kết trả nợ thay cho Bên được cấp tín dụng đối với ACB trong trường hợp Bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ACB.
- 1.1.16. Bên cầm cố, bên thế chấp: là tổ chức, cá nhân (bao gồm cả Bên được cấp tín dụng) thỏa thuận với ACB thực hiện hoặc sẽ thực hiện việc cầm cố, thế chấp tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với ACB theo hợp đồng hoặc thỏa thuận, cam kết cầm cố, thế chấp.
- 1.1.17. Bên ký quỹ: là tổ chức, cá nhân thực hiện biện pháp ký quỹ theo quy định của ACB nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
- 1.1.18. Bên đặt cọc: là tổ chức, cá nhân thực hiện biện pháp đặt cọc theo thỏa thuận với ACB nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
- 1.1.19. Kỳ hạn trả nợ: là các khoảng thời gian nằm trong thời hạn cho vay mà tại cuối mỗi khoảng thời gian này, Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc nợ lãi cho ACB. Tùy thuộc vào thỏa thuận giữa ACB và Bên được cấp tín dụng trong Hợp đồng cấp tín dụng, kỳ hạn trả nợ có thể là hàng tháng (mỗi tháng trả nợ một lần), 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, hàng năm hoặc một khoảng thời gian khác.
- 1.1.20. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất: là khoảng thời gian mà mỗi mức lãi suất được áp dụng đối với khoản cấp tín dụng và khi kết thúc khoảng thời gian này, khoản cấp tín dụng sẽ được áp dụng một mức lãi suất khác (có thể lớn hơn, nhỏ hơn

hoặc bằng mức lãi suất đang áp dụng) theo cơ chế xác định lãi suất được quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng.

- 1.1.21. Ngày điều chỉnh lãi suất: là ngày đầu tiên của Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất.
- 1.1.22. Sự kiện biến động thị trường: là các sự kiện xảy ra do chính sách của nhà nước Việt Nam hoặc pháp luật thay đổi hoặc biến động thị trường tiền tệ hoặc các sự kiện khác dẫn đến (i) không tồn tại hoặc không thể xác định được lãi suất tham chiếu làm cơ sở để điều chỉnh lãi suất của Hợp đồng cấp tín dụng, hoặc (ii) lãi suất của bất kỳ khoản cấp tín dụng nào thấp hơn mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cao nhất được ACB công bố tại website www.acb.com.vn, hoặc (iii) không tồn tại việc huy động vốn theo loại tiền tệ cùng với loại tiền cấp tín dụng hoặc loại tiền giải ngân, hoặc (iv) biến động, thay đổi tỷ giá ngoại tệ/VND dẫn đến dư nợ cấp tín dụng vượt quá hạn mức tín dụng khi quy đổi dư nợ cấp tín dụng và giá trị hạn mức tín dụng về cùng 01 (một) loại tiền.

1.1.23. Sự kiện bất khả kháng: là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù bên gặp phải sự kiện này đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (i) Chiến tranh hoặc tuyên bố chiến tranh, xâm lược, hành động quân sự thù địch, đảo chính, cấm vận hoặc bất kỳ hành vi, hành động vũ lực của bất kỳ chính quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (ii) Trưng thu, trưng dụng tài sản theo yêu cầu, lệnh, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (iii) Rò rỉ hạt nhân, hóa chất độc hại hoặc sự cố môi trường khác dẫn đến phải di tản người sinh sống trong khu vực theo yêu cầu hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (iv) Động đất, thiên tai, dịch bệnh;
- (v) Đình công ở cấp độ quốc gia, xét trong lĩnh vực hoạt động của các bên;
- (vi) Các sự kiện ảnh hưởng trực tiếp đến nguy cơ an toàn thanh khoản của ACB, của hệ thống ngân hàng Việt Nam;
- (vii) Các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật hoặc kết luận của Tòa án.

Để tránh hiểu nhầm, sự kiện bất khả kháng sẽ không bao gồm các khó khăn, thiếu hụt về tài chính đơn thuần trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của bất kỳ bên nào.

1.1.24. Người có liên quan của Bên được cấp tín dụng: là các tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Bên được cấp tín dụng thuộc các trường hợp được định nghĩa tại khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011 và các quy định hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật các tổ chức tín dụng.

1.2. Giải thích nội dung Thỏa thuận này, hợp đồng cấp tín dụng:

1.2.1. Nội dung của Hợp đồng cấp tín dụng là một phần không tách rời của Thỏa thuận này và các phụ lục (nếu có), phải được giải thích đồng thời và kèm theo nội dung của Thỏa thuận này và các phụ lục (nếu có). Trường hợp có nội dung mâu thuẫn giữa Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận này thì áp dụng theo quy

định của Hợp đồng cấp tín dụng nhưng chỉ áp dụng đối với việc cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng đó mà không liên quan hoặc ảnh hưởng đến các Hợp đồng cấp tín dụng khác.

- 1.2.2. Thuật ngữ “Bên được cấp tín dụng”, “Bên vay”, “Bên được bảo lãnh”, “Bên đề nghị bảo lãnh” trong Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn kiện liên quan được giải thích là một chủ thể tham gia hợp đồng với các thông tin được trình bày tại Thỏa thuận này. Khi đề cập đến “Bên được cấp tín dụng”, “Bên vay”, “Bên được bảo lãnh”, “Bên đề nghị bảo lãnh” thì cũng được hiểu là đề cập đến các “Bên được cấp tín dụng”, các “Bên vay”, các “Bên được bảo lãnh”, các “Bên đề nghị bảo lãnh”, trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu phải hiểu theo một cách khác.
- 1.2.3. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Thỏa thuận này sẽ được giải thích theo quy định của pháp luật.
- 1.3. Các nội dung của Thỏa thuận này được sử dụng và áp dụng cho tất cả các khoản cấp tín dụng của ACB với Bên được cấp tín dụng, bao gồm cả những khoản cấp tín dụng phát sinh trước thời điểm các bên ký Thỏa thuận này và có giá trị áp dụng khi giải quyết tranh chấp giữa ACB và Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm (nếu có), trừ trường hợp sau ngày ký Thỏa thuận này, các bên có thỏa thuận loại trừ việc áp dụng Thỏa thuận này cho bất kỳ khoản cấp tín dụng nào.

ĐIỀU 2: QUY ĐỊNH VỀ HẠN MỨC TÍN DỤNG

- 2.1. Nếu Bên được cấp tín dụng được ACB cấp tín dụng dưới hình thức Hạn mức tín dụng mà trong đó không phân chia chi tiết hạn mức tín dụng cho từng loại hình cấp tín dụng (hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh, hạn mức thấu chi, hạn mức chiết khấu, hạn mức bao thanh toán, hạn mức thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng dự phòng và các loại hình cấp tín dụng khác) thì trong phạm vi hạn mức tín dụng được cấp và với sự xem xét, chấp thuận của ACB căn cứ theo nhu cầu thực tế, hợp lý, hợp pháp của Bên được cấp tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm, Bên được cấp tín dụng được hoán đổi giữa các loại hình cấp tín dụng.
- 2.2. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng cấp tín dụng, (i) hạn mức tín dụng sẽ chấm dứt hiệu lực khi xảy ra các sự kiện tại Điều 6 Thỏa thuận này hoặc khi kết thúc thời hạn hạn mức tín dụng; (ii) các loại hình hạn mức tín dụng sẽ được khấu trừ lẫn nhau trong trường hợp Bên được cấp tín dụng được ACB cấp nhiều loại hình hạn mức tín dụng, trên cơ sở đề nghị của Bên được cấp tín dụng; (iii) một phần hoặc toàn bộ dư nợ vay, số dư chiết khấu, số dư bảo lãnh thực tế, dư nợ tín dụng khác của Bên được cấp tín dụng phát sinh trước thời điểm cấp hạn mức tín dụng sẽ được khấu trừ vào hạn mức tín dụng; (iv) số tiền mà Bên được cấp tín dụng cam kết bảo lãnh cho tổ chức, cá nhân khác đối với các nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của các tổ chức, cá nhân khác với ACB sẽ được khấu trừ vào hạn mức tín dụng. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng, trong trường hợp ACB thực hiện việc khấu trừ vào hạn mức tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại ACB theo quy định tại Điều này thì số tiền được khấu trừ được mặc nhiên xem như phát sinh từ hạn mức tín dụng mà ACB cấp cho Bên được cấp tín dụng mà không yêu cầu phải ký kết hoặc xác nhận nào khác của Bên được cấp tín dụng.
- 2.3. Nếu Bên được cấp tín dụng được ACB cấp hạn mức tín dụng dưới hình thức một hạn mức thấu chi (trên tài khoản thanh toán) thì (i) số tiền chi vượt số tiền có trong một tài

khoản thanh toán được chỉ định của Bên được cấp tín dụng không được vượt quá hạn mức thấu chi được cấp và Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thanh toán số tiền chi vượt này trong thời hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng, và (ii) Bên được cấp tín dụng phải thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán khi sử dụng bất kỳ khoản tiền nào thuộc số tiền chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán. Trường hợp Hợp đồng cấp tín dụng hoặc pháp luật không quy định thời hạn thanh toán số tiền chi vượt này thì toàn bộ số tiền chi vượt này sẽ được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn hạn mức thấu chi. Trường hợp Bên được cấp tín dụng gồm nhiều người mà tài khoản thanh toán được cấp hạn mức thấu chi của một, một số người thuộc Bên được cấp tín dụng thì Bên được cấp tín dụng đồng ý nhận nợ vô điều kiện đối với các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hạn mức thấu chi, bất kể các bên còn lại của Bên được cấp tín dụng có hay không có quyền sử dụng tài khoản thanh toán được cấp hạn mức thấu chi trên thực tế.

- 2.4. Nếu Bên được cấp tín dụng được ACB cấp hạn mức tín dụng dưới hình thức một hạn mức cho vay thì trong thời hạn hạn mức tín dụng, Bên được cấp tín dụng được giải ngân nhiều lần miễn là tổng dư nợ gốc phát sinh từ hạn mức cho vay tại một thời điểm không vượt quá hạn mức cho vay. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được quy định tại các kế ước nhận nợ và có thể vượt ngoài thời hạn hạn mức cho vay nhưng thời điểm bắt đầu thời hạn mỗi khoản vay (thuộc hạn mức cho vay) phải nằm trong thời hạn hạn mức cho vay, trừ trường hợp ACB và Bên được cấp tín dụng có thỏa thuận khác.
- 2.5. Nếu Bên được cấp tín dụng được ACB cấp hạn mức tín dụng dưới hình thức một hạn mức tín dụng dự phòng thì trong thời hạn hạn mức tín dụng (dự phòng), Bên được cấp tín dụng sẽ được ACB cam kết bảo đảm sẵn sàng cho vay trong hạn mức tín dụng đã thỏa thuận, với điều kiện là (i) Bên được cấp tín dụng phải đáp ứng được các điều kiện tín dụng do ACB thông báo, đáp ứng quy định tại Khoản 3.8 Điều 3 Thỏa thuận này và không phát sinh và/hoặc tiếp diễn bất kỳ sự kiện nào được quy định tại Khoản 6.1 Điều 6 Thỏa thuận này; và (ii) Bên được cấp tín dụng đã thanh toán Phí hạn mức tín dụng dự phòng cho ACB.
- 2.6. Nếu Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng dưới hình thức một hạn mức phát hành bảo lãnh thì trong thời hạn hạn mức tín dụng, Bên được cấp tín dụng được đề nghị phát hành thư bảo lãnh, mở L/C (L/C trả ngay, L/C trả chậm) nhiều lần với điều kiện là tổng số tiền cam kết theo các thư bảo lãnh, L/C đã phát hành và đang có hiệu lực không vượt quá hạn mức bảo lãnh, trừ trường hợp được ACB chấp thuận khác.
- 2.7. Nếu Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng dưới hình thức một hạn mức chiết khấu (giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng) thì tổng dư nợ chiết khấu tại một thời điểm không vượt quá hạn mức chiết khấu, trừ trường hợp được ACB chấp thuận khác.
- 2.8. Nếu Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng dưới hình thức một hạn mức bao thanh toán thì tổng dư nợ bao thanh toán tại một thời điểm không vượt quá hạn mức bao thanh toán, trừ trường hợp được ACB chấp thuận khác.
- 2.9. Nếu Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng dưới hình thức một hạn mức cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng thì (i) tổng dư nợ gốc phát sinh từ việc sử dụng thẻ không vượt quá hạn mức cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng được cấp, và (ii) Bên được cấp tín dụng chấp nhận toàn bộ các điều khoản, quy định sử dụng thẻ do ACB hoặc tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chấp nhận thanh toán thẻ công bố hoặc thông báo, kể cả lãi suất áp dụng đối với dư nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ với điều kiện là các điều khoản, quy định sử dụng thẻ, kể cả lãi suất áp dụng đối với dư nợ phát sinh từ

việc sử dụng thẻ, đã được ACB hoặc tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chấp nhận thanh toán thẻ công bố và thông báo cho Bên được cấp tín dụng, niêm yết trên website www.acb.com.vn của ACB trước khi Bên được cấp tín dụng sử dụng thẻ.

- 2.10. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng được cấp lại (giữ nguyên, cấp tăng hoặc giảm) đối với một hạn mức tín dụng mà các bên ký hợp đồng cấp tín dụng mới thay thế cho hợp đồng cấp tín dụng đang có hiệu lực thì toàn bộ dư nợ gốc phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng bị thay thế được trừ vào hạn mức tín dụng theo hợp đồng cấp tín dụng mới này. Nếu hạn mức tín dụng được cấp lại nhỏ hơn dư nợ gốc phát sinh từ hạn mức tín dụng được cấp liền kề trước đó thì (i) Bên được cấp tín dụng phải trả bớt nợ sao cho dư nợ của Bên được cấp tín dụng tại thời điểm ký hợp đồng hạn mức mới nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức tín dụng mới, hoặc (ii) trong trường hợp ACB có sự chấp thuận khác theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng thì dư nợ tối đa của Bên được cấp tín dụng theo hạn mức tín dụng là dư nợ gốc phát sinh từ hạn mức tín dụng được cấp liền kề trước đó và Bên được cấp tín dụng chỉ được sử dụng một phần hoặc toàn bộ hạn mức tín dụng được cấp lại này sau khi dư nợ gốc phát sinh từ hạn mức tín dụng được cấp liền kề trước đó nhỏ hơn hạn mức tín dụng được cấp lại.
- 2.11. Trường hợp Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng bằng một loại tiền nhưng giải ngân hoặc phát hành cam kết bảo lãnh, mở L/C bằng một loại tiền khác theo thỏa thuận của các bên thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền được giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, mở L/C về loại tiền hạn mức tín dụng do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.
- 2.12. Khi ACB đồng ý giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, phát hành L/C từ Hợp đồng cấp tín dụng mà việc giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, phát hành L/C nằm ngoài thời hạn hạn mức tín dụng đã xác định tại Hợp đồng cấp tín dụng và các Phụ lục hợp đồng (nếu có) thì thời hạn hạn mức tín dụng đương nhiên được xem là được gia hạn đến hết ngày thực hiện việc giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, phát hành L/C.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN, GIẢI NGÂN VÀ PHÁT HÀNH CAM KẾT BẢO LÃNH

- 3.1. Bên được cấp tín dụng cam kết và tự chịu trách nhiệm sử dụng vốn được ACB cấp tín dụng đúng mục đích đã thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng, không sử dụng vốn cho các mục đích trái pháp luật.
- 3.2. ACB có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn được ACB cấp tín dụng bằng bất cứ phương thức, biện pháp kiểm tra, giám sát hợp pháp nào, gồm cả việc yêu cầu Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin và tài liệu về việc sử dụng vốn, ủy quyền cho bên thứ ba kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của Bên được cấp tín dụng; và Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ chấp hành, tạo điều kiện để ACB kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn.
- 3.3. Khi Bên được cấp tín dụng đề nghị ACB giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh thông qua việc ký giấy đề nghị phát hành thư bảo lãnh, L/C thì Bên được cấp tín dụng đương nhiên phát sinh nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán phí phát hành thư bảo lãnh, nghĩa vụ hoàn trả cho ACB khoản tiền ACB thực hiện thanh toán thư bảo lãnh, L/C và các nghĩa vụ khác có liên quan với ACB kể từ thời điểm ACB giải ngân hoặc phát hành thư bảo lãnh, L/C.
- 3.4. Thời điểm giải ngân là thời điểm:

- 3.4.1. ACB thực hiện việc chuyển khoản tiền cho vay, tiền chiết khấu, bao thanh toán vào một tài khoản thanh toán theo thỏa thuận hoặc đề nghị của Bên được cấp tín dụng; và/hoặc
- 3.4.2. Bên được cấp tín dụng nhận tiền mặt trong trường hợp được phép nhận tiền mặt theo quy định pháp luật và theo thỏa thuận.
- 3.5. Thời điểm phát hành thư bảo lãnh, L/C là một trong các thời điểm sau:
 - 3.5.1. Thời điểm ACB hoàn tất việc giao, gửi thư bảo lãnh (trực tiếp, qua bưu điện) cho Bên được cấp tín dụng hoặc người được Bên được cấp tín dụng chỉ định, ủy quyền; hoặc
 - 3.5.2. Thời điểm ACB hoàn tất việc giao, gửi thư bảo lãnh, L/C (trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua hệ thống điện tử) cho người thụ hưởng thư bảo lãnh, L/C hoặc ngân hàng của người thụ hưởng thư bảo lãnh, L/C; hoặc
 - 3.5.3. Thời điểm ACB hoàn tất việc phát hành thư bảo lãnh theo quy định của pháp luật hoặc công bố giao dịch bảo lãnh, phát hành L/C.
- 3.6. Loại tiền giải ngân: Bên được cấp tín dụng chỉ được giải ngân bằng loại tiền cùng với loại tiền mà ACB cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Nếu Bên được cấp tín dụng được ACB chấp thuận giải ngân bằng loại tiền khác với loại tiền cấp tín dụng thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng sang loại tiền giải ngân do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.
- 3.7. Trường hợp Bên được cấp tín dụng có nhiều người, thì một, một số hoặc tất cả những người này đều có thể nhận tiền vay, chiết khấu, bao thanh toán, đề nghị ACB phát hành cam kết bảo lãnh, L/C và đại diện cho Bên được cấp tín dụng ký khế ước nhận nợ, giấy đề nghị ACB phát hành thư bảo lãnh, L/C. Việc đại diện này chỉ chấm dứt khi chấm dứt hiệu lực Hợp đồng cấp tín dụng.
- 3.8. Bên được cấp tín dụng chỉ được ACB giải ngân bất kỳ khoản tiền nào (vay, bao thanh toán, chiết khấu), phát hành thư bảo lãnh, L/C khi và chỉ khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:
 - 3.8.1. Trước khi giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C, Bên được cấp tín dụng phải cung cấp cho ACB đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, hồ sơ và chứng từ phát hành thư bảo lãnh hợp lệ theo yêu cầu của ACB, trừ trường hợp ACB có sự chấp thuận khác.
 - 3.8.2. Mục đích vay vốn, phát hành thư bảo lãnh, L/C theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng được thẩm định là (i) hợp pháp và hợp lý, và (ii) không tồn tại, tiếp diễn nguy cơ rủi ro mất hoặc khó có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền vay, dư nợ tín dụng.
 - 3.8.3. Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện nào dẫn đến ACB chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng và các thỏa thuận khác có liên quan.
 - 3.8.4. Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện biến động thị trường, sự kiện làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cấp tín dụng của ACB.
 - 3.8.5. Bên được cấp tín dụng đồng ý với mức lãi suất của ACB hoặc các bên thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân.

- 3.8.6. Bên được cấp tín dụng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của ACB cho Bên được cấp tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng.
 - 3.8.7. Các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện hoàn tất theo yêu cầu của ACB, trừ trường hợp ACB có sự chấp thuận khác.
 - 3.8.8. Ngày giải ngân phải nằm trong thời hạn giải ngân, trừ trường hợp ACB có sự chấp thuận khác.
 - 3.8.9. Việc giải ngân phù hợp với lịch giải ngân dự kiến do Bên được cấp tín dụng thông báo và được ACB chấp thuận, trong trường hợp ACB yêu cầu Bên được cấp tín dụng phải thông báo trước lịch giải ngân cho ACB. Bên được cấp tín dụng thông báo lịch giải ngân dự kiến cho ACB trước ít nhất 03 ngày làm việc, trừ khi ACB chấp thuận một thời hạn khác ngắn hơn.
 - 3.8.10. Nếu việc giải ngân bằng ngoại tệ thì Bên được cấp tín dụng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.
 - 3.8.11. Nếu việc giải ngân bằng tiền mặt thì Bên được cấp tín dụng phải đáp ứng tất cả các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi được ACB giải ngân bằng tiền mặt.
- 3.9. Việc ACB chấp thuận bỏ qua (trong phạm vi pháp luật cho phép hoặc không cấm) bất kỳ một điều kiện nào quy định tại Khoản 3.8 Điều này khi thực hiện việc giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, phát hành L/C thì việc bỏ qua này không có nghĩa và sẽ không được giải thích là điều kiện (được ACB bỏ qua) đó bị hủy bỏ hoặc Bên được cấp tín dụng được miễn trừ nghĩa vụ phát sinh từ điều kiện (được ACB bỏ qua) đó. Bên được cấp tín dụng phải tiếp tục thực hiện điều kiện (được ACB bỏ qua) đó ngay khi ACB có yêu cầu hoặc trong lần giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, phát hành L/C sau đó, tùy thời điểm hoặc sự kiện nào đến trước.

ĐIỀU 4: LÃI SUẤT – PHÍ – PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 4.1. Lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh theo quy định của Hợp đồng cấp tín dụng trong toàn bộ thời gian phát sinh dư nợ tín dụng thực tế của Bên được cấp tín dụng, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay (kể cả trường hợp Bên được cấp tín dụng nhận nợ bất buộc khi ACB thanh toán theo các thư bảo lãnh, L/C thay cho Bên được cấp tín dụng), thời hạn bao thanh toán, thời hạn chiết khấu (nếu Bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn).
- 4.2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn, dư nợ gốc các khoản cấp tín dụng không được trả nợ đúng hạn của Bên được cấp tín dụng tại ACB sẽ được áp dụng lãi suất quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn và thời gian chậm trả, với lãi suất quá hạn (%/năm) được tính bằng 150% nhân với (x) lãi suất trong hạn tương ứng (%/năm) của khoản cấp tín dụng (khoản vay hoặc khoản bao thanh toán, khoản chiết khấu), trong đó, lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng tại thời điểm tính lãi suất quá hạn.
- 4.3. Trong trường hợp lãi suất sau khi điều chỉnh theo Hợp đồng cấp tín dụng mà thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ACB công bố tại website www.acb.com.vn hoặc lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định pháp luật thì lãi suất áp dụng cho Hợp đồng cấp tín

dụng đó trong kỳ điều chỉnh lãi là lãi suất tối thiểu do ACB công bố hoặc lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- 4.4. Trường hợp khi xảy ra Sự kiện biến động thị trường thì ACB được quyền ấn định lãi suất theo Hợp đồng cấp tín dụng cho các Kỳ điều chỉnh lãi suất trong thời gian xảy ra và tiếp diễn Sự kiện biến động thị trường và thông báo cho Bên được cấp tín dụng về mức lãi suất do ACB ấn định. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không đồng ý với mức lãi suất do ACB thông báo thì Bên được cấp tín dụng được quyền trả nợ trước hạn mà không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn. Nếu Bên được cấp tín dụng không trả nợ trước hạn cho ACB trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ACB thông báo thì Bên được cấp tín dụng được xem là đã đồng ý với mức lãi suất do ACB thông báo.
- 4.5. Số tiền lãi do Bên được cấp tín dụng thanh toán tại mỗi kỳ thanh toán lãi được tính bằng (=) số tiền dư nợ gốc để tính lãi nhân với (x) lãi suất (%/năm) nhân với (x) số ngày vay/chiết khấu thực tế chia cho (:) 365. Trong trường hợp chiết khấu, số ngày chiết khấu thực tế được tính từ ngày ACB chi trả số tiền chiết khấu cho đến ngày thu nợ chiết khấu và không vượt quá ngày đến hạn thanh toán được ghi trong Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị chiết khấu hồi phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu hoặc đề nghị chiết khấu khác (nếu có) của Bên được cấp tín dụng. Nếu số ngày vay/chiết khấu thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì áp dụng lãi suất vay ngày (%/năm) theo ấn định của ACB trong từng thời kỳ. Số tiền lãi phải trả tại mỗi kỳ thanh toán lãi có thể được ACB thông báo trước cho Bên được cấp tín dụng nếu Bên được cấp tín dụng có nhu cầu hoặc ACB thấy cần thiết phải thông báo; tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, việc thông báo số tiền lãi phải trả của mỗi kỳ thanh toán lãi không phải là nghĩa vụ của ACB theo Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng.
- 4.6. Phí trả nợ trước hạn: Trường hợp muốn trả nợ trước hạn, Bên được cấp tín dụng phải đề nghị và phải được ACB chấp thuận đồng thời Bên được cấp tín dụng phải thanh toán phí trả nợ trước hạn. Phí trả nợ trước hạn được quy định cụ thể tại Hợp đồng cấp tín dụng.
- 4.7. Phí cam kết rút vốn: là khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng phải thanh toán cho ACB ngay hoặc sau khi ký Hợp đồng cấp tín dụng để bảo đảm rằng Bên được cấp tín dụng rút vốn theo Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết. Chi tiết mức phí, cách tính phí, thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng.
- 4.8. Phí hạn mức tín dụng dự phòng: là khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng phải thanh toán cho ACB khi được ACB cấp Hạn mức tín dụng dự phòng. Chi tiết mức phí, cách tính phí, thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng.
- 4.9. Phạt vi phạm hợp đồng:
 - 4.9.1. Phạt vi phạm do chậm trả lãi: Khi Bên được cấp tín dụng không thanh toán lãi đúng hạn thì Bên được cấp tín dụng phải chịu phạt chậm trả lãi tính bằng (=) số tiền lãi chậm trả nhân với (x) Lãi suất phạt (%/năm) nhân với (x) số ngày chậm trả chia cho (:) 365. Số ngày chậm trả lãi được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi được quy định cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng.
 - 4.9.2. Phạt vi phạm khi xảy ra các sự kiện vi phạm khác: Khi Bên được cấp tín dụng vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết theo các Hợp đồng cấp tín dụng hoặc các văn bản có liên quan (trừ trường hợp quy định tại điểm 4.9.1 khoản này) mà không khắc phục trong thời hạn hợp lý do ACB yêu cầu, ACB có quyền phạt vi phạm

hợp đồng đối với Bên được cấp tín dụng với giá trị phạt vi phạm tối đa là 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- 4.10. Các khoản phạt vi phạm đã thu sẽ không được hoàn trả cho Bên được cấp tín dụng vì bất cứ lý do gì, trừ trường hợp do lỗi của ACB và phải hoàn trả theo yêu cầu của pháp luật.
- 4.11. Đồng thời với việc phạt vi phạm theo Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng, khi Bên được cấp tín dụng vi phạm các nghĩa vụ theo Thỏa Thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng dẫn đến ACB phải phát sinh thêm các chi phí hợp pháp cho việc xử lý vi phạm của Bên được cấp tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí luật sư, chi phí thừa phát lại, chi phí thi hành án, chi phí gửi thư đề đòi nợ, chi phí trọng tài, chi phí thuê tổ chức khác thu hồi nợ và các chi phí hợp pháp khác thì các chi phí hợp pháp này được xem là khoản thiệt hại của ACB phát sinh do việc vi phạm hợp đồng của Bên được cấp tín dụng; và Bên được cấp tín dụng phải bồi thường thiệt hại cho ACB đối với các khoản chi phí này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ACB yêu cầu.

ĐIỀU 5: NHẬN NỢ, TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI

- 5.1. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng được giải ngân, nhận nợ bằng loại tiền nào thì trả nợ bằng loại tiền đó.
- 5.2. Khi xảy ra Sự kiện biến động thị trường dẫn đến việc (i) ACB không tiếp tục huy động vốn bằng loại tiền cùng với loại tiền cấp tín dụng hoặc loại tiền giải ngân, hoặc (ii) nguồn của loại tiền tệ để ACB cấp tín dụng bị hạn chế và không đáp ứng được quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để duy trì tín dụng, hoặc (iii) việc duy trì khoản cấp tín dụng với loại tiền đã cam kết hoặc đã giải ngân dẫn đến ACB vi phạm các quy định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định của pháp luật thì:
 - 5.2.1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ACB thông báo cho Bên được cấp tín dụng các sự kiện nêu trên, Bên được cấp tín dụng phải:
 - a. Chủ động liên hệ ACB để thực hiện thủ tục chuyển đổi dư nợ tín dụng từ loại tiền đã giải ngân sang VND. Tỷ giá quy đổi, lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ sau khi chuyển đổi thực hiện theo thỏa thuận giữa Bên được cấp tín dụng và ACB; hoặc
 - b. Trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ bằng loại tiền khác VND cho ACB mà không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn.
 - 5.2.2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không thực hiện đúng hạn theo quy định tại điểm 5.2.1 khoản này thì ACB có quyền quyết định (i) chuyển đổi toàn bộ dư nợ tín dụng bằng loại tiền đã giải ngân sang VND với thời điểm chuyển đổi, tỷ giá quy đổi, lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ tín dụng sau khi chuyển đổi do ACB ấn định phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm chuyển đổi; hoặc (ii) ACB sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Thỏa thuận này.
- 5.3. Khi xảy ra Sự kiện biến động, thay đổi tỷ giá ngoại tệ/VND dẫn đến dư nợ cấp tín dụng vượt quá hạn mức tín dụng khi quy đổi dư nợ cấp tín dụng và giá trị hạn mức tín dụng về cùng 01 (một) loại tiền thì theo thông báo của ACB, Bên được cấp tín dụng phải trả bớt nợ, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, để bảo đảm

đư nợ cấp tín dụng không vượt quá giá trị hạn mức tín dụng (sau khi quy đổi về cùng một loại tiền tại thời điểm thực hiện việc trả bớt nợ).

- 5.4. Trừ trường hợp Hợp đồng cấp tín dụng có quy định khác, Bên được cấp tín dụng được thực hiện việc trả nợ gốc, lãi của mỗi Kỳ hạn trả nợ trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày kết thúc mỗi Kỳ hạn trả nợ. Riêng Kỳ hạn trả nợ cuối cùng (của khoản cấp tín dụng có nhiều Kỳ hạn trả nợ) hoặc khoản cấp tín dụng chỉ có duy nhất một Kỳ hạn trả nợ, Bên được cấp tín dụng phải trả nợ vào ngày kết thúc Thời hạn cho vay.
- 5.5. Số tiền nợ gốc phải trả vào mỗi kỳ hạn trả nợ của Hợp đồng cấp tín dụng được tính bằng tổng số tiền thực giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng đó chia cho số kỳ hạn trả nợ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận lịch trả nợ riêng. Trong trường hợp thay đổi số vốn gốc, lãi phải trả theo từng Kỳ hạn trả nợ của Hợp đồng cấp tín dụng hoặc trong các trường hợp khác, Bên được cấp tín dụng và ACB có thể ký kết lịch trả nợ riêng phù hợp với thỏa thuận giữa ACB và Bên được cấp tín dụng.
- 5.6. Trường hợp muốn điều chỉnh kỳ hạn hoặc thay đổi số tiền phải trả của mỗi kỳ hạn, gia hạn nợ gốc hoặc lãi, Bên được cấp tín dụng phải gửi đề nghị điều chỉnh kỳ hạn hoặc thay đổi số tiền phải trả của mỗi kỳ hạn, gia hạn nợ gốc hoặc lãi kèm theo các tài liệu chứng minh (nếu có) cho ACB để ACB xem xét trước ngày đến hạn tối thiểu 15 ngày làm việc.
- 5.7. Trường hợp ngày nhận tiền vay lần đầu, ngày chiết khấu giấy tờ có giá/công cụ chuyển nhượng, ngày giải ngân khoản bao thanh toán là ngày cuối tháng mà tháng đến hạn trả nợ không có ngày tương ứng thì ngày đến hạn trả nợ là ngày cuối cùng của tháng đến hạn trả nợ. Trường hợp ngày phải trả nợ (gốc và lãi) rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà ACB không làm việc, thì ngày làm việc tiếp theo sẽ là ngày đến hạn trả nợ và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả.
- 5.8. ACB có quyền, mà không cần sự chấp thuận nào khác của Bên được cấp tín dụng thực hiện việc (i) phong tỏa hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng (nơi Bên được cấp tín dụng mở tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, gửi tiền) phong tỏa tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi tại ACB hoặc tổ chức tín dụng khác, và/hoặc (ii) tự động trích tiền từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi của Bên được cấp tín dụng mở tại ACB để thu nợ đến hạn thanh toán, và/hoặc (iii) đề nghị tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi của Bên được cấp tín dụng trích tiền từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm của Bên được cấp tín dụng để chuyển khoản thanh toán nợ đến hạn của Bên được cấp tín dụng tại ACB. Nếu dư nợ đến hạn thanh toán của Bên được cấp tín dụng được xác định bằng một loại tiền khác với số tiền được trích từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền được trích từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi về loại tiền thu nợ là tỷ giá do ACB xác định dựa trên tỷ giá mua hoặc bán ngoại tệ do ACB công bố vào thời điểm thu nợ tại website www.acb.com.vn, miễn là, việc xác định tỷ giá quy đổi này phù hợp với pháp luật. Trong trường hợp ACB không niêm yết và công bố tỷ giá mua, bán ngoại tệ thì lấy tỷ giá mua/bán do Ngân hàng nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ Ngân hàng thương mại nào hoạt động tại Việt Nam công bố.
- 5.9. Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả lãi, lãi trong hạn, nợ gốc. Riêng đối với khoản nợ quá hạn, việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự: nợ gốc, phí/các khoản phải trả khác, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, các biện pháp bảo đảm nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Bên được cấp tín dụng, Bên bảo lãnh

phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ACB; trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm còn thừa thì số tiền còn thừa này được hoàn trả cho chủ sở hữu của tài sản bảo đảm.

- 5.10. Trong trường hợp ACB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc thanh toán L/C thay cho Bên được cấp tín dụng, Bên được cấp tín dụng phải nhận nợ vay vô điều kiện với ACB đối với số tiền ACB đã trả thay hoặc thanh toán L/C với lãi suất là 150% lãi suất vay ngắn hạn do ACB ấn định vào thời điểm trả thay. Lãi được tính kể từ ngày ACB trả thay cho đến khi Bên được cấp tín dụng thanh toán hết số tiền mà ACB đã trả thay.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT VIỆC CẤP TÍN DỤNG, THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

- 6.1. ACB có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn (i) một, một số hoặc tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán của Bên được cấp tín dụng, (ii) một phần hoặc toàn bộ khoản cấp tín dụng chưa thanh toán của Bên được cấp tín dụng trong các trường hợp sau:
- 6.1.1. Phương án sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính của Bên được cấp tín dụng, theo đánh giá của ACB, thay đổi đáng kể so với Phương án sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính của Bên được cấp tín dụng tại thời điểm Bên được cấp tín dụng được ACB cấp tín dụng làm cho đánh giá về điều kiện cấp tín dụng của ACB tại thời điểm cấp tín dụng không còn phù hợp;
 - 6.1.2. Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố kinh tế vĩ mô (chính sách và pháp luật của Nhà nước; các hiệp định thương mại, các lệnh cấm hoặc các quy định tương tự), làm ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả của Phương án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên được cấp tín dụng dẫn đến Bên được cấp tín dụng có nguy cơ mất hoặc thiếu hụt khả năng thanh toán nợ đến hạn;
 - 6.1.3. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) vi phạm Quy định về hoạt động cho vay, Quy định về bảo lãnh ngân hàng, quy định về chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, quy định bao thanh toán và các quy định khác về cấp tín dụng của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - 6.1.4. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với ACB;
 - 6.1.5. Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng tại ACB trong trường hợp các bên có thỏa thuận;
 - 6.1.6. Việc duy trì khoản vay dẫn đến ACB vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - 6.1.7. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;
 - 6.1.8. Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm (ví dụ như làm thay đổi hiện trạng tài sản bảo đảm trái phép, hoặc làm xuất hiện thêm người có quyền liên quan đến tài sản bảo

đảm trái pháp luật hoặc trái thỏa thuận với ACB) hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật;

- 6.1.9. Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm;
- 6.1.10. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc người có liên quan của Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm có liên quan hoặc dính líu đến các vụ kiện có thể ảnh hưởng đến phần lớn tài sản, nguồn tiền và tài sản để trả nợ của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm và ảnh hưởng đến hoặc vi phạm điều kiện cấp tín dụng theo thông báo cấp tín dụng của ACB;
- 6.1.11. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp tín dụng;
- 6.1.12. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết mà những người thừa kế không thỏa thuận được với ACB về việc kế thừa nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ của Bên bảo đảm;
- 6.1.13. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là cá nhân bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- 6.1.14. Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là tổ chức bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- 6.1.15. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là tổ chức phát sinh tranh chấp nội bộ hoặc tranh chấp giữa các thành viên góp vốn/cổ đông lớn hoặc tranh chấp giữa tổ chức với thành viên góp vốn/cổ đông lớn hoặc tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu hoặc thay đổi cơ cấu sở hữu vốn giữa các cổ đông, thành viên góp vốn;
- 6.1.16. Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
- 6.1.17. Khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng bị ảnh hưởng bởi các nguy cơ, như: Bên được cấp tín dụng là tổ chức bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ 5% vốn chủ sở hữu trở lên, Bên được cấp tín dụng là cá nhân bị mất việc làm, bị sa thải hoặc mất, hạn chế khả năng lao động so với tại thời điểm cấp tín dụng;
- 6.1.18. Khi Tỷ lệ cấp tín dụng tăng lên lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ cảnh báo mà Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc trả bớt nợ theo yêu cầu của ACB. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác về tỷ lệ cảnh báo thì tỷ lệ cảnh báo là Tỷ lệ được tính bằng mức cấp tín dụng mà ACB cam kết chia cho (:) giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm cấp tín dụng;
- 6.1.19. Khi tỷ lệ cấp tín dụng tăng lên lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ xử lý. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác về tỷ lệ xử lý thì tỷ lệ xử lý là Tỷ lệ được tính bằng mức cấp tín dụng mà ACB cam kết chia cho (:) giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm cấp tín dụng;
- 6.1.20. Khi một nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng một hoặc nhiều tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm này bị xử lý hoặc được thực thi để thanh toán cho một nghĩa vụ khác thì nghĩa vụ trả nợ này tuy chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và Bên được cấp tín dụng phải

thanh toán nợ trước hạn cho ACB, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc Bên được cấp tín dụng bổ sung tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận với ACB;

- 6.1.21. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng.
- 6.2. Kể từ ngày ACB thông báo thu hồi nợ trước hạn, ACB được quyền trích tiền từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi của Bên được cấp tín dụng tại ACB và/hoặc yêu cầu các tổ chức tín dụng khác, nơi Bên được cấp tín dụng mở tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, gửi tiền trích tiền từ tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi của Bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ, mà không cần bất kỳ sự chấp thuận nào của Bên được cấp tín dụng.
- 6.3. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn và lãi (trong hạn, quá hạn) phát sinh từ số dư nợ gốc bị thu hồi này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ACB thông báo thu hồi nợ trước hạn. Sau thời hạn 15 ngày này mà Bên được cấp tín dụng không thanh toán đầy đủ nợ gốc bị thu hồi trước hạn và lãi phát sinh cho ACB, ACB sẽ tiến hành các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật, Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ và các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.
- 6.4. ACB có quyền đơn phương quyết định hủy bỏ hoặc chấm dứt việc thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều này sau khi thông báo cho Bên được cấp tín dụng việc hủy bỏ hoặc chấm dứt việc thu hồi nợ trước hạn. Quyết định hủy bỏ hoặc chấm dứt việc thu hồi nợ trước hạn của ACB có hiệu lực ngay kể từ thời điểm ACB thông báo mà không cần bất kỳ sự chấp thuận hoặc ý kiến nào của Bên được cấp tín dụng. Sau khi ACB thông báo cho Bên được cấp tín dụng việc hủy bỏ hoặc chấm dứt việc thu hồi nợ trước hạn, Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện việc trả nợ theo quy định của Hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp ACB và Bên được cấp tín dụng có thỏa thuận khác bằng văn bản.

ĐIỀU 7: CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN VÀ TÍNH LÃI QUÁ HẠN

- 7.1. Khi đến ngày hết hạn trả nợ gốc theo Kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận, nếu Bên được cấp tín dụng không trả hết số nợ gốc phải trả đúng hạn và không được ACB cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc thì số dư nợ gốc mà Bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn trả nợ gốc theo Kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận đến hết ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ số dư nợ gốc của Kỳ hạn trả nợ mà Bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn.
- 7.2. Ngay khi đến hạn thanh toán ghi trong Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị chiết khấu hồi phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu, nếu ACB không nhận được đầy đủ tiền thanh toán từ Ngân hàng nước ngoài và/hoặc Bên được cấp tín dụng mà không được ACB cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì ACB chuyển toàn bộ số tiền chiết khấu thực tế còn lại chưa được thanh toán sang nợ quá hạn và tiến hành các thủ tục truy đòi số tiền chiết khấu, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác từ Bên được cấp tín dụng
- 7.3. Trường hợp ACB thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 6 Thỏa thuận này, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn kể từ ngày kế tiếp của ngày hết thời hạn thanh toán nợ mà ACB nêu trong Thông báo thu hồi nợ trước hạn đến hết ngày số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn được thanh toán, hoàn trả cho ACB.

- 7.4. Bên được cấp tín dụng được xem là đã nhận Thông báo chuyển nợ quá hạn trong các trường hợp sau:
- 7.4.1. Đối với trường hợp chuyển nợ quá hạn theo Khoản 7.1 Điều này, Bên được cấp tín dụng đương nhiên được xem là đã được thông báo và đã biết về số dư nợ gốc bị quá hạn, ngày đến hạn, ngày quá hạn của số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được thanh toán, lãi suất quá hạn và thời điểm áp dụng lãi suất quá hạn cho số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được thanh toán, mà không phụ thuộc vào việc ACB có thông báo hay không thông báo việc chuyển nợ quá hạn.
- 7.4.2. Đối với trường hợp thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 6 Thỏa thuận này, Thông báo thu hồi nợ trước hạn được xem đồng thời là thông báo chuyển nợ quá hạn nếu Bên được cấp tín dụng không thanh toán đúng, đầy đủ theo Thông báo thu hồi nợ trước hạn của ACB. Bên được cấp tín dụng được xem là đã nhận được thông báo chuyển nợ quá hạn khi Bên được cấp tín dụng nhận được thông báo thu hồi nợ trước hạn của ACB.
- 7.5. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ACB có quyền thực hiện các biện pháp theo Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và theo luật định để thu hồi nợ (bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác).
- 7.6. Các quy định tại Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp khác mà ACB chuyển nợ quá hạn theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có).

ĐIỀU 8: BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ TRUY ĐÒI

- 8.1. Trường hợp Bên được cấp tín dụng thực hiện biện pháp bảo đảm trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng cấp tín dụng thì biện pháp bảo đảm đó cũng được bảo đảm cho nghĩa vụ của Hợp đồng cấp tín dụng bất kể Hợp đồng cấp tín dụng có quy định về biện pháp bảo đảm đó hay không, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 8.2. Trong phạm vi giá trị nghĩa vụ nợ tại ACB, Bên được cấp tín dụng cam kết dùng các tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho nợ vay tại ACB, khi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán vốn, lãi và các chi phí khác cho ACB.
- 8.3. Trường hợp Hợp đồng bảo đảm dùng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp tín dụng được ký lại, hoặc sửa đổi, bổ sung thì các bên không cần phải ký lại Phụ lục của Hợp đồng cấp tín dụng. Hợp đồng bảo đảm mới tiếp tục bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng.
- 8.4. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì ACB có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để xử lý, theo thứ tự do ACB quyết định, nhằm thu hồi nợ. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc xử lý các biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm khác.
- 8.5. Việc giải trừ hoặc thay đổi biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm của một hoặc một số Bên bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên bảo đảm còn lại và Bên được cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng: (i) ACB có toàn quyền giải trừ bất kỳ biện pháp bảo đảm nào mà không cần bất kỳ sự chấp thuận nào của Bên được cấp tín dụng. Việc giải trừ biện pháp bảo đảm sẽ được ACB thông báo cho Bên được cấp tín dụng; (ii) trong trường hợp quy định pháp luật hoặc bất kỳ thủ tục nào yêu cầu việc giải trừ biện pháp bảo đảm phải được sự đồng ý của Bên được

cấp tín dụng thi bằng Thỏa thuận này, Bên được cấp tín dụng đồng ý vô điều kiện việc ACB giải trừ biện pháp bảo đảm mà không cần văn bản đồng ý nào khác của Bên được cấp tín dụng; (iii) việc giải trừ biện pháp bảo đảm chỉ là nghĩa vụ của ACB khi và chỉ khi Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm (nếu có) hoàn thành tất cả các nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả nợ với ACB và tài sản bảo đảm chưa được xử lý để thu hồi nợ. ACB có quyền không giải trừ một, một số hoặc tất cả biện pháp bảo đảm nếu nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm (nếu có) chưa được thực hiện hoàn tất mà không phụ thuộc vào giá trị nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả nợ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- 8.6. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng không đồng thời là Bên bảo đảm, Bên được cấp tín dụng mặc nhiên thừa nhận và đồng ý với nội dung Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà không phụ thuộc vào việc Bên được cấp tín dụng có tham gia ký kết, xác lập Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm hay không.
- 8.7. Trường hợp nhiều nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng được bảo đảm bằng một hoặc nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nếu có một nghĩa vụ đến hạn mà Bên được cấp tín dụng không thực hiện thì các nghĩa vụ khác chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và ACB có quyền thu hồi nợ. Khi đó, ACB được quyền xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào để thu hồi nợ cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Thứ tự xử lý tài sản bảo đảm, thứ tự thu hồi nợ do ACB quyết định, phụ thuộc vào tình hình thực tế khi xử lý tài sản bảo đảm.
- 8.8. Trong trường hợp ACB cấp tín dụng không có bảo đảm một phần hoặc toàn bộ bằng tài sản, Bên được cấp tín dụng cam kết:
 - 8.8.1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của ACB nếu vi phạm các cam kết giữa Bên được cấp tín dụng với ACB.
 - 8.8.2. Trả nợ trước hạn cho ACB trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của ACB.
 - 8.8.3. Trong trường hợp ACB thu hồi nợ, kể cả thu hồi nợ trước hạn, ACB có quyền xử lý bất cứ tài sản nào thuộc sở hữu hợp pháp của Bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ.
 - 8.8.4. Trường hợp Bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ cam kết nào đối với ACB, Bên được cấp tín dụng cam kết thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng, gồm cả các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản hợp pháp khác, với giá trị tài sản thế chấp tối thiểu bằng giá trị khoản cấp tín dụng. Việc thế chấp này được xem là có hiệu lực kể từ thời điểm xảy ra sự kiện Bên được cấp tín dụng vi phạm cam kết của mình đối với ACB, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, và ACB có toàn quyền xử lý các tài sản này để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.
- 8.9. Trừ trường hợp hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm hoặc pháp luật có quy định khác, giá trị tài sản bảo đảm do ACB đơn phương và toàn quyền xác định.
- 8.10. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng được ACB bao thanh toán hoặc chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm hoàn trả ngay và không điều kiện cho ACB khi ACB truy đòi số tiền đã cấp tín dụng nếu Bên có nghĩa vụ thanh toán khoản phải thu/giấy tờ có giá/công cụ chuyển nhượng từ chối hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ (không phụ thuộc vào bất kỳ lý do nào) việc thanh toán cho ACB.

ĐIỀU 9: CUNG CẤP THÔNG TIN

- 9.1. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, thông tin sau khi ACB có yêu cầu và trong thời hạn ACB ấn định trước hoặc trong thời gian được ACB cấp tín dụng:
 - 9.1.1. Thông tin và tài liệu về hoạt động sản xuất, kinh doanh; các báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo về phải thu, phải trả, hàng tồn kho; thông tin về vốn, tăng hoặc giảm vốn, tài sản cố định trong trường hợp Bên được cấp tín dụng có hoạt động kinh doanh.
 - 9.1.2. Thông tin và tài liệu về vay nợ và nguồn thu nhập để trả nợ, bao gồm nợ tại ACB và nợ tại các tổ chức, cá nhân khác.
 - 9.1.3. Thông tin và tài liệu về việc sử dụng vốn, gồm cả thông tin và tài liệu về mục đích sử dụng vốn, phương thức sử dụng vốn, hiệu quả sử dụng vốn.
 - 9.1.4. Thông tin về Người có liên quan của Bên được cấp tín dụng quy định tại điểm 1.1.24 khoản 1.1 Điều 1 Thỏa thuận này.
 - 9.1.5. Thông tin và tài liệu về (i) đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động, mẫu dấu; (ii) chủ sở hữu trực tiếp và chủ sở hữu gián tiếp (nếu có), cổ đông lớn; (iii) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban (Tổng) giám đốc, kế toán trưởng (iv) số tài khoản thanh toán, loại tài khoản thanh toán, doanh số giao dịch qua tài khoản thanh toán theo định kỳ và tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản thanh toán trong trường hợp Bên được cấp tín dụng là tổ chức.
 - 9.1.6. Thông tin và tài liệu về (i) nhân thân; (ii) nơi cư trú; (iii) địa chỉ liên hệ; (iv) đơn vị chi trả từ 30% nguồn thu nhập hàng tháng trở lên; (v) số tài khoản thanh toán, loại tài khoản thanh toán, doanh số giao dịch tài khoản thanh toán theo định kỳ và tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản thanh toán (nếu có) trong trường hợp Bên được cấp tín dụng là cá nhân.
- 9.2. Bên được cấp tín dụng phải cung cấp thông tin và các tài liệu cho ACB trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày (i) có thay đổi về các thông tin quy định tại khoản 9.1 Điều này, hoặc (ii) xảy ra các sự kiện quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Thỏa thuận này, hoặc (iii) xảy ra sự kiện bất khả kháng (nếu có trở ngại khách quan thì thời hạn thông báo về sự kiện bất khả kháng được kéo dài nhưng tối đa không quá 7 ngày).
- 9.3. Cung cấp thông tin liên quan đến các khoản cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm: ACB có quyền cung cấp các thông tin sau (như là một hình thức hỗ trợ) cho Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm khi Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm có yêu cầu hoặc ACB thấy cần thiết phải cung cấp:
 - 9.3.1. Thông tin liên quan đến dư nợ các khoản cấp tín dụng theo các Hợp đồng cấp tín dụng;
 - 9.3.2. Thông tin liên quan đến lịch sử trả nợ các khoản cấp tín dụng tại ACB của Bên được cấp tín dụng;
 - 9.3.3. Các thông tin do chính Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm cung cấp cho ACB.
- 9.4. Bảo mật: Các bên có nghĩa vụ bảo mật thông tin có được theo Thỏa thuận này, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các tài liệu liên quan, trừ các trường hợp sau:
 - 9.4.1. Các thông tin có được là các thông tin đã được công khai, công bố bởi bên có quyền công khai, công bố thông tin hoặc thông tin thuộc diện phải công khai, công bố theo quy định của pháp luật ;

- 9.4.2. Theo quy định hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ thủ tục tố tụng, giải quyết tranh chấp tại Tòa án, Trọng tài thương mại;
 - 9.4.3. ACB, Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin cho Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cho Công ty thông tin tín dụng, cho Tổ chức tín dụng khác khi tổ chức tín dụng khác yêu cầu bằng văn bản;
 - 9.4.4. Một bên được cung cấp thông tin cho luật sư, bên tư vấn, kiểm toán độc lập, bên mua nợ hoặc bên nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm với điều kiện là bên nhận thông tin phải có cam kết bằng văn bản về việc bảo mật các thông tin nhận được và chỉ sử dụng thông tin cho mục đích công việc phù hợp với chức năng hoạt động của bên nhận thông tin;
 - 9.4.5. Các trường hợp cung cấp thông tin theo quy định pháp luật, như: cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hải quan, cơ quan thuế (kể cả cơ quan thuế nước ngoài), cơ quan điều tra, Tòa án, thi hành án dân sự và thừa phát lại, cơ quan phòng chống rửa tiền (kể cả cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài), công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - 9.4.6. Để thực hiện hoặc thực thi Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm;
 - 9.4.7. Thông tin về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm;
 - 9.4.8. Các trường hợp việc tiết lộ thông tin do phương thức gửi nhận thông tin mà các bên thỏa thuận hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.
- 9.5. Gửi thông tin và Nhận thông tin:
- 9.5.1. Địa chỉ, email, số điện thoại, số fax:
 - 9.5.1.1. Địa chỉ, email, số điện thoại, số fax gửi và nhận thông tin theo Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng là địa chỉ, email, số điện thoại, số fax được trình bày tại Thỏa thuận này, trừ khi một bên có văn bản thông báo cho bên còn lại, trong thời gian thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận này, về việc thay đổi địa chỉ.
 - 9.5.1.2. Các bên cam kết địa chỉ được trình bày tại Thỏa thuận này và văn bản thông báo thay đổi địa chỉ (nếu có) là địa chỉ cư trú hợp pháp hoặc đăng ký kinh doanh hợp pháp của các bên.
 - 9.5.1.3. Trong trường hợp một bên khởi kiện bên còn lại tại Cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền thì địa chỉ được trình bày tại Thỏa thuận này và/hoặc địa chỉ được bên bị kiện thông báo sau cùng bằng văn bản (nếu có) được xem là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn.
 - 9.5.2. Phương thức gửi nhận thông tin:
 - 9.5.2.1. Gửi trực tiếp và có ký nhận của bên nhận thông tin hoặc nhân viên bên nhận thông tin được chỉ định (đối với tổ chức);
 - 9.5.2.2. Gửi qua bưu điện hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ phát chuyển đến địa chỉ của Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm;
 - 9.5.2.3. Gửi qua email được cung cấp hoặc chỉ định của mỗi bên;

- 9.5.2.4. Gửi qua tin nhắn điện thoại của Bên được cấp tín dụng hoặc người quản lý điều hành được chỉ định của Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp Bên được cấp tín dụng là tổ chức);
- 9.5.2.5. Gửi qua fax, phương tiện và hệ thống điện tử theo thỏa thuận giữa các bên.
- 9.5.3. Mọi thông tin được xem là đã nhận sau khi được gửi hoàn tất theo các phương thức quy định tại Thỏa thuận này.
- 9.5.4. Bên được cấp tín dụng chấp nhận, đồng ý nhận các thông tin do ACB gửi qua điện thoại, email hoặc theo các phương thức điện tử khác nhằm nhắc nợ, thông báo lãi suất và các thông tin khác liên quan đến khoản cấp tín dụng, giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ của ACB. Bên được cấp tín dụng có quyền thay đổi việc đồng ý nhận thông tin giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ của ACB bằng cách thông báo (miễn phí) cho ACB qua Contact Center 24/7.

ĐIỀU 10: TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 10.1. Mỗi bên theo đây tuyên bố và bảo đảm với bên còn lại rằng: (i) mỗi bên tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của mỗi bên và các vi phạm pháp luật nếu xảy ra do hành vi đơn phương của một bên sẽ không liên đới trách nhiệm pháp lý đối với bên còn lại; (ii) việc ký kết, thực hiện Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tuân thủ quy trình nội bộ, thẩm quyền nội bộ của mỗi bên; (iii) mỗi bên tự chịu trách nhiệm về hành vi và kết quả của hành vi của người làm công, làm thuê, người được chỉ định, người được ủy quyền của mỗi bên liên quan đến việc thực hiện Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.
- 10.2. Các tranh chấp xảy ra giữa một bên với Bên thứ ba, tranh chấp giữa Bên được cấp tín dụng với Bên thụ hưởng thư bảo lãnh, L/C sẽ không ảnh hưởng hoặc liên đới trách nhiệm đến bên còn lại.
- 10.3. Các thỏa thuận hoặc thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn giữa Bên được cấp tín dụng với Bên bảo đảm khi ACB xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Bên được cấp tín dụng do Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm tự chịu trách nhiệm và không liên quan đến ACB cũng như việc thực hiện Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.
- 10.4. Bên được cấp tín dụng đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho tổ chức tín dụng nơi quản lý tài khoản thanh toán, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi và tài sản khác của Bên được cấp tín dụng trích tiền, tài sản của Bên được cấp tín dụng (theo yêu cầu của ACB) thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với ACB.
- 10.5. Một bên sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm thanh toán phạt vi phạm (nếu có) khi thiệt hại hoặc vi phạm hợp đồng xảy ra xuất phát hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ Sự kiện bất khả kháng. Để tránh hiểu nhầm, khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, Bên được cấp tín dụng vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng cho ACB theo quy định tại điểm 10.6 khoản này.
- 10.6. Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc Bên được cấp tín dụng không thực hiện việc trả nợ một khoản nợ đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng thì khoản nợ đó sẽ được Bên được cấp tín dụng thanh toán trong thời hạn do ACB ấn định

sau khi kết thúc Sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp Bên được cấp tín dụng được cơ cấu nợ theo thỏa thuận với ACB.

- 10.7. Việc nhắc nợ là quyền của ACB đồng thời là một tiện ích mà ACB hỗ trợ cho Bên được cấp tín dụng trong quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng, không phải là nghĩa vụ của ACB đối với Bên được cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng không được căn cứ vào việc ACB không, chậm trễ nhắc nợ để không, hoặc chậm trễ thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn.
- 10.8. Bên được cấp tín dụng phải tự mình, căn cứ theo giá trị tài sản bảo đảm do ACB thông báo tại từng thời điểm, xác định Tỷ lệ cho vay, Tỷ lệ cảnh báo, Tỷ lệ xử lý để thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng.
- 10.9. Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm về tính chính xác và trung thực của các thông tin, tài liệu mà Bên được cấp tín dụng cung cấp cho ACB.
- 10.10. Trường hợp Bên được cấp tín dụng gồm nhiều tổ chức, cá nhân thì (i) tất cả tổ chức, cá nhân này phải liên đới trách nhiệm trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng cấp tín dụng với ACB; và (ii) ACB có quyền yêu cầu một, một số hoặc toàn bộ những tổ chức, cá nhân này thực hiện nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ đã cam kết với ACB trong hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản có liên quan (nếu có).

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ LUẬT ÁP DỤNG

- 11.1. Các tranh chấp giữa các bên trong quá trình thực hiện Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm sẽ được các bên thỏa thuận, thương lượng. Để tránh nhầm lẫn, hai bên xác nhận rằng một trong các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Cơ quan giải quyết theo thỏa thuận của các bên hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật (nếu các bên không có thỏa thuận cơ quan giải quyết tranh chấp) mặc dù không tiến hành thương lượng.
- 11.2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cơ quan giải quyết tranh chấp, nếu vì bất cứ lý do gì mà một bên vắng mặt thì bên kia có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vụ án vắng mặt theo thủ tục luật định và/hoặc thủ tục của cơ quan giải quyết tranh chấp.
- 11.3. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí và tất cả các phí, chi phí tố tụng khác, các chi phí bồi thường được xác định theo nguyên tắc bồi thường thiệt hại của pháp luật dân sự và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, các bên sẽ tiếp tục thực hiện các trách nhiệm của mình theo Thỏa thuận này trong suốt quá trình các bên tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào.
- 11.4. Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản, tài liệu có liên quan được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam và các tập quán quốc tế không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà các bên áp dụng cho từng giao dịch cụ thể.

ĐIỀU 12: NGÔN NGỮ

- 12.1. Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản, tài liệu liên quan giữa ACB và Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm (nếu có) là tiếng Việt.
- 12.2. Các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp có mâu

thuần về nội dung giữa nội dung bằng tiếng Việt và nội dung bằng tiếng nước ngoài thì nội dung tiếng Việt có giá trị sử dụng.

ĐIỀU 13: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- 13.1. Việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thư bảo lãnh, L/C dưới hình thức giao dịch điện tử được thực hiện theo quy định của Luật giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan và thỏa thuận giữa các bên.
- 13.2. Nếu các bên không có thỏa thuận nào khác thì tỷ giá quy đổi tiền tệ từ loại tiền khác VND sang VND hoặc ngược lại trong quá trình thực hiện Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng theo tỷ giá mua, bán ngoại tệ do ACB niêm yết và công bố tại từng thời điểm tại website www.acb.com.vn, với điều kiện là việc xác định tỷ giá phù hợp với quy định pháp luật về quản lý tỷ giá, trong trường hợp ACB không niêm yết và công bố tỷ giá mua, bán ngoại tệ thì lấy tỷ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.
- 13.3. Bên được cấp tín dụng chấp nhận và đồng ý (i) cung cấp và ký các hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu của ACB nhằm bảo đảm việc cấp tín dụng tuân thủ các thủ tục theo quy định pháp luật, gồm cả việc cung cấp đơn đề nghị cấp tín dụng, cung cấp các giấy tờ chứng minh hồi phiếu, công cụ chuyển nhượng đủ điều kiện chiết khấu và thực hiện thủ tục chuyển nhượng một cách vô điều kiện hồi phiếu, công cụ chuyển nhượng cho ACB theo quy định pháp luật khi chiết khấu, (ii) chấp hành thời hạn thông báo trước theo quy định của Thỏa thuận này nếu ACB yêu cầu Bên được cấp tín dụng phải thực hiện để ACB có đủ thời gian cần thiết xem xét các yêu cầu, đề nghị giải ngân, chiết khấu, bao thanh toán hoặc yêu cầu, đề nghị cấp tín dụng có liên quan khác của Bên được cấp tín dụng.
- 13.4. ACB được quyền thực hiện mua bán nợ, ủy thác hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thu hồi nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định pháp luật.
- 13.5. Các bên có các quyền, nghĩa vụ phát sinh theo Thỏa thuận này, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, các thỏa thuận có liên quan và theo quy định pháp luật.
- 13.6. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ hết hiệu lực khi Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với ACB theo các Hợp đồng cấp tín dụng và Hợp đồng bảo đảm. Thỏa thuận này thay thế Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung (nếu có) giữa ACB và Bên được cấp tín dụng được ký kết trước Thỏa thuận này.
- 13.7. Thỏa thuận này được lập thành 03 (ba) bản chính, ACB giữ 02 (hai) bản, Bên được cấp tín dụng giữ 01 (một) bản để thực hiện.

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU